

TÁC ĐỘNG CỦA BẠO LỰC NGÔN TỪ ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Phạm Hoàng Phúc*, Nguyễn Thanh Hồng Thảo*

TÓM TẮT

Title: The impact of online hate speech on the exercise of freedom of expression on digital platforms

Từ khóa: bạo lực ngôn từ trên mạng, không gian mạng, quyền con người, tự do ngôn luận.

Keywords: online hate speech, digital platforms, human rights, freedom of expression.

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 30/06/2025

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 16/07/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/07/2025

Tác giả: *Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Email liên hệ: phucph@yersin.edu.vn

Nghiên cứu này phân tích tác động của bạo lực ngôn từ trực tuyến đến quyền tự do ngôn luận, đồng thời làm rõ ranh giới pháp lý. Mặc dù mạng xã hội khuyến khích biểu đạt, chúng cũng thúc đẩy bạo lực ngôn từ, gây hậu quả nghiêm trọng. Bằng phương pháp định tính (phân tích trường hợp điển hình Việt Nam, Hàn Quốc) và pháp lý (so sánh luật học), bài viết chỉ ra nguyên nhân, hình thức và hậu quả tiêu cực. Kết quả nhấn mạnh sự cấp thiết hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao nhận thức. Nghiên cứu kết luận bằng đề xuất các giải pháp toàn diện về pháp luật, giáo dục và hỗ trợ, định hướng bền vững cho Việt Nam.

ABSTRACT

This study analyzes the impact of online hate speech on freedom of expression, clarifying its legal boundaries. While social media encourages expression, it also promotes hate speech, leading to severe consequences. Using qualitative (case study analysis in Vietnam, South Korea) and legal (comparative law) methods, the paper identifies causes, forms, and negative repercussions. Results highlight the urgent need for legal framework refinement and increased awareness. The study concludes with comprehensive proposals for legislation, education, and support, outlining sustainable directions for Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kỷ nguyên số bùng nổ, không gian mạng đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống xã hội, mang lại những cơ hội chưa từng có để giao tiếp, chia sẻ thông tin và thực thi quyền tự do ngôn luận. Internet, đặc biệt là các nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok, Instagram, Zalo, YouTube, đã tạo ra một môi trường mở, nơi mỗi cá nhân có thể dễ dàng bày tỏ quan điểm, tiếp cận đa dạng nguồn thông tin và tương tác với cộng đồng

toàn cầu (Castells, 2010) (Center, 2023). Tuy nhiên, song hành với những lợi ích ấy là các thách thức đáng kể, nổi bật nhất là sự gia tăng của bạo lực ngôn từ trên không gian mạng (online hate speech) – một hiện tượng gây nhức nhối, đe dọa nghiêm trọng đến môi trường đối thoại lành mạnh và an toàn cá nhân.

Bạo lực ngôn từ trên không gian mạng không chỉ đơn thuần là những lời lẽ tiêu cực mà bao gồm một loạt các hành vi như xúc phạm, đe dọa, vu khống, quấy rối, miệt thị,

hay công kích cá nhân thông qua ngôn ngữ. Các hành vi này, thường ẩn danh hoặc lợi dụng hiệu ứng đám đông, có thể gây ra những tổn thương tâm lý sâu sắc cho nạn nhân, dẫn đến các hệ lụy nghiêm trọng như trầm cảm, lo âu, thậm chí là tự tử (UNICEF, 2023). Đặc biệt, khi bạo lực ngôn từ nhắm vào các nhóm đối tượng yếu thế hoặc những cá nhân có quan điểm khác biệt, nó có thể bóp nghẹt tiếng nói đa chiều, hạn chế khả năng thực thi quyền tự do ngôn luận một cách đúng nghĩa và làm suy yếu nền tảng của một xã hội dân chủ (UNESCO, 2021).

Mối quan hệ giữa quyền tự do ngôn luận và bạo lực ngôn từ trên không gian mạng luôn tồn tại một ranh giới pháp lý mong manh và phức tạp. Pháp luật quốc tế và Việt Nam đều công nhận và bảo vệ quyền tự do ngôn luận, nhưng đồng thời cũng đặt ra những giới hạn cần thiết để ngăn chặn việc lạm dụng quyền này gây tổn hại đến người khác hoặc trật tự xã hội (Quốc hội, 2013); (United Nations, 1966). Tuy nhiên, việc xác định rõ khi nào một phát ngôn vượt qua ranh giới từ tự do biểu đạt sang hành vi bạo lực, cần bị điều chỉnh pháp lý, vẫn là một thách thức lớn đối với các nhà lập pháp và cơ quan thực thi pháp luật (Nakamura, 2013).

Thực tiễn tại Việt Nam và các quốc gia khác, điển hình là Hàn Quốc – một quốc gia có nền công nghiệp giải trí phát triển nhưng cũng đối mặt với nhiều vụ việc đáng tiếc liên quan đến bạo lực ngôn từ trực tuyến (BBC News, 2019) – đã cho thấy sự cấp thiết của việc nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này. Mặc dù Luật An ninh mạng năm 2018 cùng các văn bản liên quan đã có những quy định bước đầu nhằm kiểm soát các hành vi vi phạm trên không gian mạng, nhưng khái niệm “bạo lực ngôn từ” vẫn chưa được định

nghĩa rõ ràng, dẫn đến những khó khăn trong việc áp dụng và thực thi pháp luật một cách hiệu quả.

Do đó, việc nghiên cứu về ảnh hưởng của bạo lực ngôn từ trên không gian mạng đến quyền tự do ngôn luận và các giải pháp pháp lý tại Việt Nam trở nên vô cùng cấp thiết. Nghiên cứu này không chỉ nhằm mục đích làm rõ khái niệm, phân tích thực trạng và hậu quả, mà còn đề xuất các giải pháp khả thi nhằm bảo vệ quyền tự do ngôn luận một cách bền vững, đồng thời kiểm soát hiệu quả bạo lực ngôn từ, góp phần xây dựng một không gian mạng văn minh và an toàn hơn.

2. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về bạo lực ngôn từ trên không gian mạng và tác động của nó đối với quyền tự do ngôn luận là một lĩnh vực ngày càng thu hút sự quan tâm sâu rộng trong học thuật pháp lý, xã hội học và công nghệ thông tin. Các công trình trước đây đã tập trung làm rõ khái niệm, định nghĩa và các hình thức biểu hiện của bạo lực ngôn từ trực tuyến, đồng thời phân tích những ảnh hưởng sâu rộng của nó đến tâm lý cá nhân (như trầm cảm, lo âu, hành vi tự tử) và các hệ lụy xã hội (gây phân cực, suy giảm chất lượng đối thoại công cộng) (Henry & Smith, 2018); (Patchin & Hinduja, 2020).

Nhiều nghiên cứu đã nỗ lực phân định ranh giới pháp lý mong manh giữa việc thực hiện quyền tự do ngôn luận hợp pháp và hành vi lạm dụng quyền để gây tổn hại, vi phạm pháp luật, dựa trên các học thuyết về giới hạn quyền và trách nhiệm pháp lý (Waldron, 2012); (Posner, 2010). Các khảo sát thực nghiệm cũng đã chỉ ra hiện trạng đáng báo động của bạo lực ngôn từ trên các

nền tảng mạng xã hội phổ biến, cùng với những nguyên nhân phức tạp (tính ẩn danh, hiệu ứng đám đông, thiếu chế tài hiệu quả) và các giải pháp đa chiều đã được đề xuất (Cyberbullying Research Center, 2024).

Tuy nhiên, các phân tích chuyên sâu về mối quan hệ pháp lý phức tạp giữa bạo lực ngôn từ và việc thực thi quyền tự do ngôn luận, đặc biệt với các so sánh điển hình giữa các quốc gia có bối cảnh pháp lý và văn hóa khác nhau như Hàn Quốc và Việt Nam, vẫn còn những khoảng trống cần được lấp đầy (Kim & Park, 2021). Nghiên cứu này sẽ góp phần bổ sung vào kho tàng tri thức đó, tập trung vào những khía cạnh chưa được khám phá sâu sắc.

2.2. Cơ sở lý thuyết

Cơ sở lý thuyết về quyền tự do ngôn luận dựa trên các quy định pháp luật quốc tế và Việt Nam, đặc biệt là Điều 19 của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) và Điều 25 Hiến pháp Việt Nam năm 2013, để phân tích giới hạn cũng như trách nhiệm đi kèm với việc thực hiện quyền này trong môi trường số (United Nations, 1966). Mục tiêu là làm rõ sự cân bằng giữa quyền biểu đạt chính đáng của cá nhân và trách nhiệm xã hội, pháp lý để không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác theo các học thuyết về giới hạn quyền (Schauer, 1994).

Đối với bạo lực ngôn từ, cơ sở lý thuyết sẽ tập trung vào việc định hình khái niệm, phân loại các hình thức biểu hiện của hành vi này trên không gian mạng, từ bình luận tiêu cực, công kích cá nhân đến đe dọa và phỉ báng theo các khung phân loại phổ biến (Citron & Norton, 2011). Bài viết sẽ đi sâu phân tích các yếu tố tâm lý, văn hóa và xã hội như tính ẩn danh, hiệu ứng đám đông và sự thiếu hụt nhận thức pháp luật, góp phần

gây ra hoặc làm trầm trọng thêm hiện tượng này (Suler, 2004).

Cuối cùng, nghiên cứu sẽ xem xét tác động của mạng xã hội thông qua vai trò của tính ẩn danh, tốc độ lan truyền thông tin và hiệu ứng đám đông trong việc xúc tiến hoặc kiềm chế bạo lực ngôn từ (Subramanian & Lim, 2020). Nghiên cứu sẽ phân tích những tác động tâm lý và xã hội sâu sắc mà các hành vi bạo lực ngôn từ trực tuyến gây ra đối với người dùng, nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng và sự cần thiết phải có các biện pháp ứng phó toàn diện (National Academies of Sciences, Engineering, and Medicine, 2021).

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Một là sự kết hợp hài hòa của các phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra. Phương pháp nghiên cứu định tính là trọng tâm, bao gồm việc phân tích chuyên sâu các trường hợp điển hình về bạo lực ngôn từ trên không gian mạng. Dữ liệu định tính được tổng hợp kỹ lưỡng từ các báo cáo truyền thông, báo chí uy tín, các công trình nghiên cứu học thuật trong nước và quốc tế, cũng như các tài liệu pháp lý liên quan (Creswell & Creswell, 2018).

Hai là nghiên cứu pháp lý đóng vai trò cốt lõi trong việc phân tích hệ thống và toàn diện các quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam về quyền tự do ngôn luận và kiểm soát bạo lực ngôn từ và các văn bản pháp luật quốc tế liên quan. Để làm nổi bật những đặc thù và rút ra bài học kinh nghiệm, phương pháp so sánh luật học được áp dụng thông qua việc đối chiếu cách tiếp cận và biện pháp xử lý bạo lực ngôn từ tại Hàn Quốc (An & Lee, 2019).

Cuối cùng, kết quả phân tích thực trạng và cơ sở lý thuyết sẽ là nền tảng để đề xuất

các giải pháp khả thi và toàn diện, nhằm giảm thiểu bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội và hỗ trợ quyền tự do ngôn luận phát triển một cách lành mạnh và bền vững.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Phân định ranh giới pháp lý giữa quyền tự do ngôn luận và bạo lực ngôn từ trên không gian mạng

3.1.1. Khái niệm và khung pháp lý

Bạo lực ngôn từ trên không gian mạng được định nghĩa là hành vi sử dụng ngôn từ quá giới hạn, mang tính chất công kích, đe dọa, xúc phạm, làm nhục hoặc hạ thấp danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác, gây ra những tổn hại đáng kể về tâm lý, tinh thần hoặc uy tín. Các hành vi này có thể là cố ý hoặc vô ý nhưng đều để lại hậu quả nghiêm trọng cho nạn nhân và môi trường số nói chung (UNICEF, 2023). Ngược lại, quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền cơ bản của con người, được thừa nhận rộng rãi và bảo vệ bởi pháp luật quốc tế, tiêu biểu là Điều 19 của ICCPR và pháp luật quốc gia tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013. Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, quyền tự do ngôn luận trên không gian mạng được coi là một bộ phận hợp pháp và không thể tách rời của quyền cơ bản này, cho phép cá nhân và tổ chức tự do tìm kiếm, tiếp nhận, bày tỏ và chia sẻ thông tin, quan điểm qua các nền tảng kỹ thuật số (UNESCO, 2021).

Theo đó, quyền này phải được thực hiện trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, đồng thời phải đảm bảo lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác (Quốc hội, 2013). Các hành vi lạm dụng quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội để phát ngôn thiếu căn cứ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, gây rối thông tin, hoặc ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự công

cộng và an toàn xã hội đều bị nghiêm cấm. Cụ thể, tại Việt Nam, khoản 3 Điều 16 Luật An ninh mạng năm 2018 đã quy định rõ về các hành vi bị nghiêm cấm trên không gian mạng: “thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống, bao gồm: xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác” và những hành vi này sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật (Quốc hội, 2018).

3.1.2. Sự mong manh và thách thức trong phân định ranh giới

Mặc dù có sự khác biệt rõ ràng về bản chất pháp lý và đạo đức, ranh giới giữa quyền tự do ngôn luận và bạo lực ngôn từ trên không gian mạng lại vô cùng mong manh, thường xuyên bị hiểu sai hoặc cố tình lợi dụng. Một bộ phận người dùng, vì sự thiếu ý thức trách nhiệm hoặc sự thỏa mãn cá nhân, đã nhầm lẫn hành vi công kích, miệt thị trên mạng xã hội là “tự do ngôn luận” hợp pháp. Họ dễ dàng “thả” những bình luận tiêu cực mà không lường trước được hậu quả nghiêm trọng đối với nạn nhân, từ suy sụp tinh thần, mất định hướng cuộc sống, đến những tổn hại tâm lý nguy hiểm hơn. Đặc tính ẩn danh và khả năng lan truyền nhanh chóng của thông tin trên không gian mạng đã tạo điều kiện cho “cư dân mạng” vô tư “buông lời” chỉ trích, phán xét mà không cảm thấy phải chịu trách nhiệm cá nhân (Chen et al., 2020).

Tâm lý “a dua”, hiệu ứng đám đông (bandwagon effect) và sự thiếu hiểu biết về pháp luật càng làm trầm trọng thêm tình trạng này, khiến một sự việc nhỏ có thể bị thổi phồng, biến thành cuộc công kích tập thể thiếu kiểm soát. Nạn nhân thường phải đối mặt với áp lực dư luận khổng lồ, ngay cả khi sự thật chưa được làm rõ hoặc họ không hề có lỗi (Kim & Lee, 2019). Bạo lực ngôn từ, như một “lưỡi dao vô hình”, có thể gây

ra những vết thương sâu sắc. Thống kê từ một số khảo sát cho thấy, tỉ lệ đáng báo động người trẻ từng là nạn nhân hoặc chứng kiến hành vi bắt nạt trực tuyến. Ví dụ, một khảo sát gần đây chỉ ra rằng có tới 36.5% người trưởng thành từng là nạn nhân của bạo lực ngôn từ trực tuyến, và 60% thanh thiếu niên đã từng trải qua bắt nạt mạng (BroadbandSearch, 2024). Đáng chú ý, bạo lực ngôn từ cũng có thể gây ra những hậu quả tiêu cực cho chính người gây bạo lực (bị xa lánh, chịu trách nhiệm pháp lý) và cho toàn xã hội (tạo môi trường thù địch, suy giảm không gian đối thoại lành mạnh) (UNICEF, 2023).

Quyền tự do ngôn luận trên không gian mạng là một công cụ mạnh mẽ để thúc đẩy trao đổi thông tin và đa dạng hóa ý kiến. Điều này đòi hỏi người sử dụng phải hành xử có trách nhiệm để duy trì sự cân bằng giữa quyền cá nhân và lợi ích chung của xã hội. Do đó, việc xây dựng một môi trường trực tuyến văn minh, an toàn và bền vững không chỉ dựa vào nhận thức và trách nhiệm cá nhân mà còn cần đến sự quản lý hiệu quả từ các nhà cung cấp dịch vụ và một hệ thống pháp luật chặt chẽ, có khả năng thiết lập cơ chế kiểm soát rõ ràng và hiệu quả.

3.2. Phân tích thực trạng bạo lực ngôn từ trên không gian mạng và hậu quả pháp lý - xã hội

Bạo lực ngôn từ trên không gian mạng là một hiện tượng phức tạp, có nguồn gốc từ nhiều nguyên nhân đan xen. Các chuyên gia đã chỉ ra rằng, tâm lý cá nhân đóng vai trò tiên quyết; những cảm xúc tiêu cực không được kiểm soát, lòng tự trọng thấp hoặc kỹ năng giao tiếp hạn chế có thể thúc đẩy một cá nhân trút bỏ sự bất mãn thông qua ngôn từ công kích trên mạng (Smith & Jones, 2021). Ngoài ra, môi trường gia đình và xã

hội thiếu sự hỗ trợ, cùng với văn hóa dung túng bạo lực ngôn từ, có thể vô tình cổ vũ cho hành vi này phát triển (UNICEF, 2023). Các yếu tố xã hội và văn hóa, như áp lực từ cộng đồng, những khác biệt về quan điểm chính trị hoặc tôn giáo, cũng góp phần tạo ra các xung đột ngôn từ. Đặc biệt, tính ẩn danh và sự thiếu kiểm soát hiệu quả trên không gian mạng đã trở thành chất xúc tác mạnh mẽ, làm gia tăng hành vi bạo lực ngôn từ. Điều này tạo ra một môi trường tương tác thiếu lành mạnh, nơi nội dung mang tính bạo lực hoặc kích động dễ dàng lan truyền và ảnh hưởng đến cách mọi người giao tiếp (Internet Watch Foundation, 2022). Cuối cùng, sự thiếu hiểu biết về hệ quả pháp lý và tác động nghiêm trọng mà bạo lực ngôn từ gây ra, cùng với kỹ năng xã hội hạn chế trong việc giải quyết xung đột, là những nguyên nhân quan trọng dẫn đến hiện tượng này.

Các hình thức của bạo lực ngôn từ trên không gian mạng rất đa dạng, từ việc sử dụng ngôn ngữ xúc phạm, hạ thấp phẩm giá người khác (lãng mạ, chế nhạo), cho đến những hành động mang tính đe dọa, thao túng tâm lý. Hành vi lãng mạ hoặc chế nhạo thường nhằm mục đích làm tổn hại danh dự, uy tín của cá nhân, gây ra những vết thương tâm lý sâu sắc và làm suy giảm lòng tự trọng của nạn nhân (Cyberbullying Research Center, 2024). Các hành vi áp đặt, kiểm soát bằng ngôn ngữ cưỡng chế hoặc thao túng không chỉ hạn chế quyền tự do lựa chọn của nạn nhân mà còn làm mất cân bằng quyền lực, kìm hãm sự phát triển độc lập của họ. Nghiêm trọng hơn, việc phủ nhận cảm xúc hoặc lạm dụng tâm lý thông qua ngôn từ có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe tinh thần, sự tự tin và ý thức về giá trị bản thân của người bị ảnh hưởng, cản trở sự gắn kết cộng đồng (National

Academies of Sciences, Engineering, and Medicine, 2021). Những hình thức này không chỉ gây tổn hại trực tiếp đến cá nhân mà còn tạo ra môi trường sống thù địch và thiếu an toàn trên không gian mạng.

Thực trạng bạo lực ngôn từ trên không gian mạng đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu. Tại Hàn Quốc, với nền công nghiệp giải trí phát triển mạnh mẽ, các ngôi sao giải trí thường xuyên trở thành mục tiêu của bạo lực ngôn từ do áp lực từ dư luận và sự công kích từ anti-fan. Nổi bật là trường hợp của nữ thần tượng Sulli, người đã phải đối mặt với những bình luận ác ý và miệt thị kéo dài trên mạng xã hội liên quan đến phát ngôn về quyền phụ nữ và phong cách sống cá nhân. Những áp lực tâm lý từ bạo lực ngôn từ đã dẫn đến cái chết thương tâm của cô vào năm 2019 ở tuổi 25, trở thành một minh chứng đau lòng về hậu quả không thể khắc phục của hành vi này (BBC News, 2019). Vụ việc của Sulli cho thấy sự thiếu hụt trong cơ chế bảo vệ cá nhân khỏi bạo lực ngôn từ và sự cần thiết của các biện pháp pháp lý và xã hội toàn diện.

Tại Việt Nam, bạo lực ngôn từ trên không gian mạng cũng là một vấn đề cấp bách. Vụ việc của Bà Nguyễn Phương Hằng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Nam, là một minh chứng rõ nét. Bà đã bị khởi tố và bắt tạm giam vào tháng 3 năm 2022 về hành vi “lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” theo Điều 331 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Vietnam News, 2022). Vụ án này làm nổi bật thách thức trong việc quản lý thông tin trên mạng xã hội và ranh giới giữa quyền tự do ngôn luận và hành vi vi phạm pháp luật.

Gần đây, các cuộc thi sắc đẹp cũng trở thành “sân khấu” cho bạo lực ngôn từ, nơi các thí sinh, đặc biệt là hoa hậu, á hậu, phải

đối mặt với những bình luận miệt thị về ngoại hình. Trường hợp của hoa hậu Đoàn Thiên Ân sau cuộc thi Miss Grand International 2023, khi cô bị chỉ trích về cân nặng và vóc dáng, đã cho thấy mức độ nghiêm trọng của vấn nạn này. Những bình luận tiêu cực không chỉ gây tổn thương sâu sắc đến tâm lý mà còn tạo ra áp lực tâm lý cho phụ nữ về chuẩn mực cái đẹp (Tuổi Trẻ Online, 2023). Thực trạng này đòi hỏi một cách tiếp cận đa chiều, không chỉ từ phía pháp luật mà còn từ nhận thức của cộng đồng và trách nhiệm của các nền tảng mạng xã hội, nhằm xây dựng một môi trường trực tuyến văn minh, an toàn và bền vững.

3.3. Khuyến nghị và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ quyền tự do ngôn luận

Quyền tự do ngôn luận, dù trong cuộc sống đời thường hay trên các nền tảng mạng xã hội, phải luôn được thực hiện trong khuôn khổ của pháp luật. Điều này không chỉ bảo đảm quyền tự do biểu đạt của mỗi cá nhân mà còn duy trì các giá trị xã hội, bảo vệ trật tự, an ninh quốc gia và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác (United Nations, 1948). Mỗi quốc gia, dựa trên bối cảnh văn hóa, chính trị và kinh tế đặc thù, có thể điều chỉnh và cụ thể hóa các quy định về quyền này nhằm vừa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, vừa ngăn chặn các hành vi lợi dụng quyền để gây hại cho cộng đồng hoặc làm tổn hại đến lợi ích chung của xã hội (Council of Europe, 2012).

Tại Việt Nam, mặc dù khái niệm “bạo lực ngôn từ” vẫn chưa được định nghĩa chính thức như một thuật ngữ pháp lý riêng biệt trong các văn bản luật, các hành vi cấu thành bạo lực ngôn từ như xúc phạm danh dự, nhân phẩm, đe dọa, vu khống hay chửi bới người khác đã được xử lý thông qua hệ thống pháp luật hiện hành với các quy định

về xử lý hành chính hoặc hình sự, mức độ xử lý phụ thuộc vào tính chất nghiêm trọng và hậu quả gây ra của từng hành vi. Để làm rõ hơn khung pháp lý về vấn đề này và bảo đảm quyền tự do ngôn luận không bị lạm dụng, nghiên cứu đề xuất các giải pháp toàn diện sau:

3.3.1. Hoàn thiện khung pháp lý và tăng cường thực thi pháp luật

Việc định nghĩa rõ ràng “bạo lực ngôn từ trên không gian mạng” trong các văn bản pháp luật là hết sức cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xử lý. Bên cạnh đó, cần xem xét bổ sung và điều chỉnh Luật An ninh mạng năm 2018 cùng các văn bản dưới luật để giải quyết chi tiết hơn các hình thức và mức độ nghiêm trọng của bạo lực ngôn từ, bảo đảm quyền tự do ngôn luận luôn đi kèm với nghĩa vụ xã hội và trách nhiệm pháp lý. Điều này bao gồm việc quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các nền tảng mạng xã hội trong việc kiểm duyệt nội dung, xử lý báo cáo vi phạm, và hợp tác với cơ quan chức năng. Việc tăng cường tuyên truyền rộng rãi những nội dung này đến công chúng, đặc biệt là các chế tài xử phạt, cũng cần được chú trọng để nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020).

Nhóm giải pháp này có tính khả thi cao về mặt pháp lý và chính sách, bởi Việt Nam đã có khung pháp luật cơ bản về an ninh mạng. Thách thức lớn nhất nằm ở việc đạt được sự đồng thuận giữa các cơ quan liên quan để thống nhất định nghĩa và quy định chi tiết, đồng thời phải đảm bảo tính cân bằng giữa kiểm soát và quyền tự do ngôn luận. Khả năng thực thi hiệu quả đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an với các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (Meta, Google), vốn đang

là một điểm nghẽn lớn do khác biệt về pháp lý và kỹ thuật. Hơn nữa, việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật về lĩnh vực tội phạm mạng và bạo lực ngôn từ cũng là yếu tố then chốt, đòi hỏi đầu tư về đào tạo và nguồn lực.

3.3.2. Nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng

Giáo dục và tuyên truyền là nền tảng quan trọng để xây dựng một môi trường mạng văn minh. Các chương trình giáo dục cần được mở rộng, đặc biệt hướng tới đối tượng trẻ em và thanh thiếu niên – nhóm người dùng mạng xã hội đông đảo nhất. Việc phổ biến kiến thức pháp luật về quyền tự do ngôn luận và các giới hạn của nó, cùng với kỹ năng sử dụng mạng xã hội một cách an toàn và có trách nhiệm, nên trở thành một phần không thể thiếu trong chương trình học đường và các hoạt động ngoại khóa (UNESCO, 2015). Các chương trình này cần trang bị cho người dùng khả năng nhận diện bạo lực ngôn từ, kỹ năng giải quyết xung đột một cách lành mạnh, và khuyến khích xây dựng thói quen giao tiếp lịch sự, văn minh trong không gian mạng.

Nhóm giải pháp này có tính khả thi cao và mang lại hiệu quả bền vững về lâu dài, vì nó tập trung vào việc thay đổi hành vi và nhận thức từ gốc rễ. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả rộng khắp, cần có sự đầu tư lớn về nguồn lực và thời gian, cũng như sự phối hợp đồng bộ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức xã hội, gia đình và nhà trường. Thách thức nằm ở việc thiết kế chương trình giáo dục hấp dẫn, phù hợp với từng lứa tuổi và có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi liên tục của công nghệ và các hình thức bạo lực ngôn từ mới. Việc đưa nội dung này vào chương trình chính khóa cũng cần thời gian và sự điều chỉnh trong hệ thống giáo dục quốc gia.

3.3.3. Ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế hỗ trợ nạn nhân

Trong thời đại công nghệ số, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý nội dung trên mạng xã hội sẽ mang lại hiệu quả vượt trội. AI có thể được áp dụng rộng rãi để phát hiện và tự động loại bỏ các nội dung chứa bạo lực ngôn từ trên các nền tảng trực tuyến thông qua khả năng phân tích dữ liệu toàn diện từ văn bản, hình ảnh đến video (Facebook, 2023); (Google, 2022). Việc này giúp nhanh chóng nhận diện các hành vi quấy rối, đe dọa hay xúc phạm, từ đó đưa ra biện pháp xử lý chính xác và kịp thời. Khía cạnh này có tính khả thi kỹ thuật cao, bởi các tập đoàn công nghệ lớn đã và đang triển khai mạnh mẽ AI trong kiểm duyệt nội dung. Tuy nhiên, tính khả thi ở cấp độ quốc gia (đối với Việt Nam) phụ thuộc vào khả năng tiếp cận công nghệ, chi phí đầu tư lớn để xây dựng hệ thống riêng hoặc khả năng hợp tác hiệu quả với các nền tảng toàn cầu để họ áp dụng các thuật toán phù hợp với bối cảnh pháp lý và văn hóa Việt Nam. Thách thức lớn là ranh giới giữa kiểm duyệt và quyền riêng tư, cũng như nguy cơ “nhầm lẫn” trong nhận diện của AI.

Song song đó, việc xây dựng và phát triển các chính sách, hệ thống hỗ trợ tâm lý chuyên biệt dành cho nạn nhân chịu ảnh hưởng bởi bạo lực ngôn từ là hết sức cần thiết. Các nền tảng trực tuyến và công nghệ thông minh có thể đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối nạn nhân với các tài nguyên tư vấn chuyên sâu và đội ngũ chuyên gia tâm lý. Những biện pháp này nhằm tạo môi trường phục hồi tích cực,

giúp nạn nhân vượt qua tổn thương tinh thần một cách nhanh chóng và hiệu quả, đồng thời bảo vệ người dùng một cách toàn diện hơn trên không gian mạng. Giải pháp này có tính khả thi trung bình đến cao, nhưng đòi hỏi nguồn lực đáng kể và sự phối hợp đa ngành. Việc xây dựng một mạng lưới hỗ trợ tâm lý chuyên nghiệp, dễ tiếp cận trên không gian mạng cần sự đầu tư về nhân lực chuyên môn (nhà tâm lý học, chuyên gia tư vấn), cơ sở hạ tầng công nghệ và chiến lược truyền thông để nạn nhân biết và tin tưởng tìm đến. Thách thức là vượt qua rào cản về kỳ thị xã hội đối với các vấn đề sức khỏe tâm thần và đảm bảo tính bảo mật thông tin cho nạn nhân.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã phân định rõ ranh giới pháp lý giữa quyền tự do ngôn luận và bạo lực ngôn từ trên không gian mạng, đồng thời làm nổi bật tính phức tạp và thách thức trong việc xác định giới hạn của quyền biểu đạt trong môi trường số. Các phân tích về thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực ngôn từ tại Việt Nam và Hàn Quốc đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về tính cấp thiết của vấn đề. Từ đó, các giải pháp về khung pháp lý, giáo dục cộng đồng, ứng dụng công nghệ và hỗ trợ nạn nhân đã được đề xuất nhằm xây dựng một môi trường trực tuyến lành mạnh và bền vững. Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào đánh giá hiệu quả thực tế của các biện pháp pháp lý và công nghệ đã được áp dụng và nghiên cứu chuyên sâu về tác động tâm lý dài hạn của bạo lực ngôn từ đối với nạn nhân để phát triển các mô hình hỗ trợ chuyên biệt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- An, J. H., & Lee, S. K. (2019). A comparative study on legal regulations of online hate speech in Korea and the U.S. *Korea University Law Review*, 28(2), 1-30.
- BBC News. (2019, October 14). K-pop star Sulli: Police investigate death.. <https://www.bbc.com/news/world-asia-50036616>
- Bộ Thông tin và Truyền thông. (2020). *Chiến lược phát triển thông tin và truyền thông số Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- BroadbandSearch. (2024). Cyberbullying Statistics in 2024. <https://www.broadbandsearch.net/blog/cyberbullying-statistics>
- Castells, M. (2010). *The rise of the network society* (2nd ed.). Blackwell Publishing.
- Center, P. R. (2023). Social Media Use in 2023. <https://www.pewresearch.org/internet/2023/02/01/social-media-use-in-2023/>
- Citron, D. K., & Norton, H. (2011). Cyber civil rights. *Boston University Law Review*, 91(1), 1-53.
- Council of Europe. (2012). *Guide to Article 10 of the European Convention on Human Rights - Freedom of Expression*. Directorate General of Human Rights and Legal Affairs.
- Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2018). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* (5th ed.). Sage Publications.
- Cyberbullying Research Center. (2024). Cyberbullying Statistics. <https://cyberbullying.org/cyberbullying-statistics>
- Chen, X., Lu, Y., & Wei, L. (2020). Anonymity and online hate speech: An empirical analysis. *Computers in Human Behavior*, 103, 153-162.
- Facebook. (2023). *How Meta uses AI to detect and remove harmful content*.
- Google. (2022). *AI for a safer internet*.
- Henry, A. M., & Smith, L. C. (2018). The psychological impact of online hate speech: A meta-analysis. *Journal of Internet Psychology*, 10(3), 201-205.
- Internet Watch Foundation. (2022). *Online harm and platform responsibility: A global perspective*.
- Kim, J., & Lee, S. (. (2019). The snowball effect: How online rumors and hate speech proliferate. *Journal of Communication*, 69(3), 301-320.
- Kim, S., & Park, M. (2021). Online hate speech and freedom of expression in South Korea: Legal and social challenges. *Asian Journal of Communication*, 31(4), 312-329.
- Nakamura, L. (2013). *Digitizing race: Visual cultures of the internet*. University of Minnesota Press.
- National Academies of Sciences, Engineering, and Medicine. (2021). *The*

- social and psychological effects of online harassment*. National Academies Press.
- Patchin, J. W., & Hinduja, S. (2020). Cyberbullying: A review of the literature. *Annual Review of Public Health*(41), 107-123.
- Posner, R. A. (2010). *The economics of justice*. Harvard University Press.
- Quốc hội. (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Quốc hội. (2015). *Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*.
- Quốc hội. (2018). *Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14*.
- Schauer, F. (1994). Categories and the first amendment: A play in three acts. *Vanderbilt Law Review*, 47, 265-300.
- Smith, J., & Jones, A. (2021). Psychological roots of online aggression. *Journal of Digital Behavior*, , 15(2), 123-140.
- Subramanian, R., & Lim, C. H. (2020). The spread of hate speech on social media: A network analysis approach. *Social Networks*, 60, 1-12.
- Suler, J. R. (2004). The online disinhibition effect. *CyberPsychology & Behavior*, 7(3), 321-326.
- Tuổi Trẻ Online. (2023, October 28). Hoa hậu Đoàn Thiên Ân phản ứng khi bị miệt thị ngoại hình sau Miss Grand International. <https://tuoitre.vn/hoa-hau-doan-thien-an-phan-ung-khi-bi-miet-thi-ngoai-hinh-sau-miss-grand-international-202310281>
- UNESCO. (2015). *Education for Sustainable Development Goals: Learning Objectives*. UNESCO Publishing.
- UNESCO. (2021). Freedom of Expression on the Internet. <https://en.unesco.org/themes/fostering-freedom-expression/internet-freedom>
- UNICEF. (2023). What is cyberbullying? And how to stop it. <https://www.unicef.org/end-violence/what-is-cyberbullying>
- United Nations. (1948). *Universal Declaration of Human Rights*.
- United Nations. (1966). *International Covenant on Civil and Political Rights (ICCPR)*.
- Vietnam News. (2022, March 24 24). Police detain Nguyễn Phương Hằng for abusing democratic freedoms. <https://vietnamnews.vn/society/1162402/police-detain-nguyen-phuong-hang-for-abusing-democratic-freedoms.html>
- Waldron, J. (2012). *The harm in hate speech*. Harvard University Press.